

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT,

E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSMT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Việc đánh giá HSDT về kỹ thuật theo phương pháp chấm điểm (sử dụng thang điểm 1.000), mức điểm yêu cầu tối thiểu là 80% tổng số điểm kỹ thuật (800/1000). HSDT có tổng số điểm, cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn đánh giá có quy định mức điểm tối thiểu đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được xem xét đánh giá về tài chính.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức điểm tối đa	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
A	GIẢI PHÁP KỸ THUẬT	180	144
I	Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình so với yêu cầu của HSMT	100	80
1	Đòi với vật liệu chủ yếu (Gồm các loại được nêu tại Bảng số 1, Mục III.2 Chương V của HSMT)	15	
	Điền đủ thông tin tại bảng số 1, Mục III.2 Chương V của HSMT và cung cấp hợp đồng nguyên tắc/cam kết sử dụng đối với từng vật liệu). Mỗi loại thiếu thông tin, thiếu hợp đồng nguyên tắc/cam kết hoặc không nêu bị trừ 5 điểm. Điểm tối thiểu ở mục này là 0 điểm	10	
	Nhà thầu có cam kết đủ 2 nội dung: 1) Cam kết sử dụng vật liệu đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn và thiết kế. 2) Cam kết trong quá trình thực hiện nếu Chủ đầu tư phát hiện vật liệu mà nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu phải thay thế bằng sản phẩm được Chủ đầu tư chỉ định mà không được quyền đòi thêm chi phí nào khác. Mọi chi phí phát sinh do việc thay thế vật liệu đó thì nhà thầu hoàn toàn chịu. (Trường hợp không có cam kết hoặc cam kết thiếu nội dung thì được 0 điểm)	5	
2	Đòi với vật tư chính, thiết bị lắp đặt vào công trình (Gồm các loại được nêu tại Bảng số 2, Mục III.3 Chương V của HSMT)	75	

	Có bảng kê khai theo mẫu quy định tại Mục III.3 Chương V của HSMT. Mỗi sản phẩm thiếu một thông tin hoặc không nêu bị trừ 5 điểm/thông sản phẩm. Điểm tối thiểu ở mục này là 0 điểm	70	
	Nhà thầu có cam kết đủ 2 nội dung: 1) Cam kết sử dụng vật tư, thiết bị đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn và thiết kế, yêu cầu của HSMT. 2) Cam kết trong quá trình thực hiện nếu Chủ đầu tư phát hiện thiết bị mà nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu phải thay thế bằng sản phẩm được Chủ đầu tư chỉ định mà không được quyền đòi thêm chi phí nào khác. Mọi chi phí phát sinh do việc thay thế hàng hóa đó thì nhà thầu hoàn toàn chịu (Trường hợp không có cam kết hoặc cam kết thiếu nội dung thì được 0 điểm)	5	
3	Thí nghiệm vật liệu trước khi đưa vào sử dụng: Hợp đồng nguyên tắc thí nghiệm vật liệu đối với các vật liệu trước khi đưa vào sử dụng với một đơn vị có đủ năng lực theo quy định của pháp luật. (Tài liệu chứng minh: Giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị thí nghiệm vật liệu và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)	10	
	<i>Có hợp đồng nguyên tắc và đầy đủ tài liệu chứng minh</i>	10	
	<i>Không đáp ứng yêu cầu trên</i>	0	
II	Tổ chức mặt bằng công trường: Đáp ứng yêu cầu tại Mục II.1, chương V của HSMT	50	40
	<i>Tổng mặt bằng bố trí các công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, vật tư</i>	30	
	<i>Tổng mặt bằng bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo</i>	10	
	<i>Tổng mặt bằng thể hiện giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công</i>	10	
III	Sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường:	30	24
	<i>Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường: Chỉ huy trưởng, phụ trách kỹ thuật, chất lượng, vật tư ...</i>	20	
	<i>Nêu nhiệm vụ của chỉ huy trưởng; cán bộ phụ trách kỹ thuật, chất lượng; đội trưởng/tổ đội thi công</i>	10	
B	BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG	640	512
B.1	Thuyết minh giải pháp, biện pháp thi công	100	80
	<i>Giải pháp đặc để thi công công trình</i>	10	
	<i>Thi công đào móng (thuyết minh điển hình 01 nhà)</i>	10	
	<i>Thi công lắp dựng cốp pha, cốt thép, bê tông móng (thuyết minh điển hình 01 nhà)</i>	10	
	<i>Thi công lắp dựng cốp pha, cốt thép, bê tông cột (thuyết minh điển hình 01 nhà)</i>	10	
	<i>Thi công lắp dựng cốp pha, cốt thép, bê tông dầm sàn (thuyết minh điển hình 01 nhà)</i>	10	
	<i>Thi công phần san nền</i>	10	
	<i>Thi công phần sân đường nội bộ</i>	10	

	<i>Thi công phần cây xanh</i>	10	
	<i>Thi công phần cấp – thoát nước tổng thể ngoài nhà</i>	10	
	<i>Thi công phần cấp điện tổng thể ngoài nhà</i>	10	
B.2	<i>Phần bản vẽ biện pháp thi công phần móng</i>	100	80
a)	<i>Hạng mục móng: Nhà làm việc của Khoa giám định, Khoa khám bệnh, Khoa cận lâm sàng và các phòng ban chức năng</i>	20	
(*)	<i>Thi công đào đất móng</i>	10	
(*)	<i>Thi công bê tông móng</i>	10	
b)	<i>Hạng mục móng: Nhà làm việc Khoa chẩn đoán hình ảnh</i>	20	
(*)	<i>Thi công đào đất móng</i>	10	
(*)	<i>Thi công bê tông móng</i>	10	
c)	<i>Hạng mục móng: Nhà làm việc Khoa dinh dưỡng</i>	20	
(*)	<i>Thi công đào đất móng</i>	10	
(*)	<i>Thi công bê tông móng</i>	10	
d)	<i>Hạng mục móng: Nhà làm việc Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn</i>	20	
(*)	<i>Thi công đào đất móng</i>	10	
(*)	<i>Thi công bê tông móng</i>	10	
e)	<i>Hạng mục móng: Nhà lưu trú đối tượng giám định và công an</i>	20	
(*)	<i>Thi công đào đất móng</i>	10	
(*)	<i>Thi công bê tông móng</i>	10	
B.3	<i>Bản vẽ biện pháp thi công kết cấu phân thân Nhà làm việc của Khoa giám định, Khoa khám bệnh, Khoa cận lâm sàng và các phòng ban chức năng</i>	90	72
3.1	<i>Tầng 1</i>	50	
(*)	<i>Thi công cốp pha cột; cốt thép cột, Thi công đổ bê tông cột</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha dầm sàn; lắp dựng cốt thép sàn, đổ bê tông dầm sàn tầng 2</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha cầu thang bộ; Thi công đổ bê tông cầu thang (Chọn 01 cầu thang để thể hiện)</i>	10	
(*)	<i>Thi công xây tường</i>	10	
3.2	<i>Tầng 2</i>	40	
(*)	<i>Thi công cốp pha cột; cốt thép cột, Thi công đổ bê tông cột</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha dầm sàn; lắp dựng cốt thép sàn, đổ bê tông dầm sàn áp mái</i>	15	
(*)	<i>Thi công xây tường</i>	10	
B.4	<i>Bản vẽ biện pháp thi công kết cấu phân thân Nhà làm việc Khoa chẩn đoán hình ảnh</i>	90	72
4.1	<i>Tầng 1</i>	50	
(*)	<i>Thi công cốp pha cột; cốt thép cột, Thi công đổ bê tông cột</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha dầm sàn; lắp dựng cốt thép sàn, đổ bê tông dầm sàn tầng 2</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha cầu thang bộ; Thi công đổ bê tông cầu thang (Chọn 01 cầu thang để thể hiện)</i>	10	
(*)	<i>Thi công xây tường</i>	10	
4.2	<i>Tầng 2</i>	40	
(*)	<i>Thi công cốp pha cột; cốt thép cột, Thi công đổ bê tông cột</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha dầm sàn; lắp dựng cốt thép sàn, đổ bê tông dầm sàn áp mái</i>	15	
(*)	<i>Thi công xây tường</i>	10	

B.5	Bản vẽ biện pháp thi công kết cấu phần thân Nhà làm việc Khoa dinh dưỡng	40	32
(*)	<i>Thi công cốp pha cột; cốt thép cột, Thi công đổ bê tông cột</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha dầm sàn; lắp dựng cốt thép sàn, đổ bê tông dầm sàn áp mái</i>	15	
(*)	<i>Thi công xây tường</i>	10	
B.6	Bản vẽ biện pháp thi công kết cấu phần thân Nhà làm việc Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	40	32
(*)	<i>Thi công cốp pha cột; cốt thép cột, Thi công đổ bê tông cột</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha dầm sàn; lắp dựng cốt thép sàn, đổ bê tông dầm sàn áp mái</i>	15	
(*)	<i>Thi công xây tường</i>	10	
B.7	Bản vẽ biện pháp thi công kết cấu phần thân Nhà lưu trú đối tượng giám định và công an	40	32
(*)	<i>Thi công cốp pha cột; cốt thép cột, Thi công đổ bê tông cột</i>	15	
(*)	<i>Thi công lắp dựng cốp pha dầm sàn; lắp dựng cốt thép sàn, đổ bê tông dầm sàn áp mái</i>	15	
(*)	<i>Thi công xây tường</i>	5	
B.8	Biện pháp thi công phần xây, trát, điện, nước ... và lắp đặt thiết bị (Yêu cầu có thuyết minh và bản vẽ hoặc hình vẽ minh họa biện pháp thi công)	140	112
	Thi công xây tường	10	
	Thi công trát	10	
	Thi công lát nền	10	
	Thi công lắp dựng cửa, vách kính	10	
	Thi công sơn	10	
	Thi công lắp đặt hệ thống điện	15	
	Thi công lắp đặt hệ thống cấp nước	10	
	Thi công lắp đặt hệ thống thoát nước	15	
	Thi công lắp đặt hệ thống điều hòa	15	
	Thi công lắp đặt hệ thống điện nhẹ	10	
	Thi công lắp đặt hệ thống PCCC	15	
	Thi công phần chống mối	10	
C	TIẾN ĐỘ THI CÔNG	50	40
1	Biểu đồ tiến độ thi công		
	<i>Có biểu đồ tiến độ bao gồm các công việc yêu cầu tại Chương V của HSMT được đánh giá khả thi, phù hợp và thời gian hoàn thành 300 ngày thì được 10 điểm. Tiến độ đề xuất rút ngắn 1 tháng được thêm 5 điểm. (Tổng điểm ở mục này tối đa tối đa không quá 25 điểm)</i>	25	
	<i>Không đáp ứng yêu cầu trên</i>	0	
2	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công		
	<i>Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị cung cấp điện trên công trường hoạt động liên tục hợp lý, khả thi</i>	10	
	<i>Không đáp ứng yêu cầu trên</i>	0	
3	Biểu đồ nhân lực		
	<i>Có biểu đồ nhân lực khả thi, phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công</i>	15	
	<i>Không đáp ứng yêu cầu trên</i>	0	
D	BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG:	40	32
	Sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng các khâu thi công	10	
	Biện pháp đảm bảo chất lượng các khâu: Thi công bê tông, thi công trát, thi công lắp đặt thiết bị thang máy, điều hòa	10	
	Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu khi thi công	10	

	Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão và sửa chữa hư hỏng.	10	
E	VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, PCCC, AN TOÀN LAO ĐỘNG	40	32
(*)	Biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường:	20	
	Có bãi đổ thải (có tài liệu chứng minh là bãi thải đã được đổ thải)	10	
	Biện pháp giảm thiểu: Tiếng ồn, rung, bụi, kiểm soát nước thải, rác thải	10	
(*)	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	5	
(*)	Biện pháp an toàn lao động	15	
	Có giải pháp: Tổ chức đào tạo, an toàn giao thông ra vào công trường	5	
	Có giải pháp: An ninh công trường, an toàn trong quá trình thi công	10	
F	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH BẢO TRÌ VÀ BẢO HIỂM	30	24
(*)	Đề xuất thời gian bảo hành	10	
	Đáp ứng đủ các yêu cầu sau - Đưa ra được thời gian bảo hành của toàn bộ công trình - Đưa ra được thời gian bảo hành của hệ thống điều hòa - Đưa ra được thời gian bảo hành của hệ thống điện nhẹ - Đưa ra được thời gian bảo hành thiết bị nội thất - Đưa ra được thời gian bảo hành của hệ thống PCCC - Cam kết bảo trì tối thiểu 1 tháng một lần trong thời gian bảo hành đối với các thiết bị Điều hòa;	10	
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	0	
(*)	Nhà thầu phải cam kết có cán bộ kỹ thuật có mặt tại công trình trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của đơn vị sử dụng về việc khắc phục sự cố trong quá trình bảo hành.	10	
	<i>Cam kết yêu cầu</i>	10	
	<i>Không cam kết hoặc nội dung cam kết không đáp ứng theo yêu cầu</i>	0	
(*)	Cam kết của nhà thầu về mua bảo hiểm: Bảo hiểm phương tiện thi công, người lao động trên công trường; bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba; bảo hiểm rủi ro cho các công trình lân cận. Trường hợp nhà thầu liên danh thì yêu cầu nhà thầu đứng đầu liên danh phải cam kết chịu trách nhiệm mua toàn bộ các loại bảo hiểm đã nêu ở trên	10	
	<i>Cam kết đầy đủ các nội dung yêu cầu</i>	10	
	<i>Không cam kết hoặc nội dung cam kết thiếu theo yêu cầu</i>	0	
G	YÊU CẦU KHÁC	20	16
	<i>Cam kết tự ứng vốn để thi công đúng theo tiến độ đã cam kết trong trường hợp Chủ đầu tư chưa kịp thanh toán hoặc tạm ứng cho nhà thầu</i>	20	
	<i>Không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu trên</i>	0	
	Tổng số điểm	1000	800

Cách cho điểm chi tiết như sau:

a) Thang điểm đánh giá phần bản vẽ biện pháp thi công thuộc **Mục B.2; B.3; B.4, B.5, B.6 và B.7** trong bảng trên như sau:

TT	Mức độ cho điểm ở từng nội dung thuộc Mục B.2; B.3; B.4, B.5, B.6 và B.7 của bảng trên	Số điểm đánh giá trên điểm tối đa
-----------	---	--

1	<p><u>Đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu đủ số lượng bản vẽ biện pháp thi công theo yêu cầu được quy định tại Mục IX, chương V của E-HSMT đối với từng công việc; - Biện pháp thi công được đánh giá là hợp lý, khả thi và phù hợp với thiết kế của gói thầu; - Từng bản vẽ biện pháp thi công phải có kích thước cụ thể theo thiết kế của gói thầu này. 	100%
2	Không đầy đủ số lượng bản vẽ theo yêu cầu hoặc bản vẽ biện pháp không có kích thước (bản vẽ biện pháp chỉ mang tính minh họa) hoặc bản vẽ biện pháp có kích thước nhưng không phù hợp với thiết kế hoặc biện pháp thi công được đánh giá là không hợp lý, khả thi	0%

b) Thang điểm đánh giá cho các nội dung còn lại chưa quy định cách tính điểm, cụ thể như sau:

TT	Mức độ đánh giá các nội dung còn lại	Số điểm đánh giá trên điểm tối đa
1	Đầy đủ, hợp lý, đồng bộ, trình bày rõ ràng và phù hợp với thiết kế	100%
3	Đầy đủ nội dung và chấp nhận được	80%
4	Đủ nội dung nhưng sơ sài	40%
5	Không đủ hoặc không hợp lý hoặc không hoàn toàn phù hợp với thiết kế	0%